

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Đ : 12
H : 7

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viễn chấm thi 1 G.Viễn chấm thi 2

Môn học: Phiên dịch thương mại (22431501)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B101

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

Coi Hình Thuận Đỗ Nguyễn Thị Mỹ Dung Phan Chí Châu Nguyễn Thanh Loan C-Loan

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122240163	Trần Bùi Việt Anh	23/01/2004	CCQ2224E			7,0	3.6	5.0	
2	2123240130	Đặng Lê Quốc Bảo	22/08/2005	CCQ2324E			4,3			
3	2123240052	Huỳnh Ngọc Minh Châu	02/10/2005	CCQ2324B			8,4	6.8	7.4	
4	2121240049	Phan Thành Công	23/09/2003	CCQ2124B			5,3	1.9	3.3	HL
5	2123240083	Nguyễn Văn Cường	12/10/2005	CCQ2324C			2,0			
6	2120240096	Nguyễn Hoàng Hải Đăng	17/09/2002	CCQ2024D			8,0	7.9	7.9	
7	2123240106	Quảng Nữ Hồng Hà	03/03/2003	CCQ2324D			7,0	4.2	5.3	
8	2123240098	Lê Thị Mỹ Hào	05/01/2005	CCQ2324D			6,0	1.6	3.4	HL
9	2123240184	Phạm Huỳnh Hoa	07/03/2002	CCQ2324F			7,8	4.2	5.6	
10	2123240027	Đoàn Khắc Huy	26/10/2005	CCQ2324A			7,7	4.7	5.9	
11	2123240140	Lê Gia Huy	29/05/2005	CCQ2324E			5,6	2.4	3.7	HL
12	2123240167	Nguyễn Thị Xuân Huỳnh	30/07/2005	CCQ2324F			6,5	2.7	4.2	HL
13	2123240008	Đặng Ngọc Khải	04/12/2004	CCQ2324A			6,8	3.8	5.0	
14	2120240208	Trần Nguyễn Minh Khôi	05/01/2002	CCQ2024C			8,5	6.0	7.0	
15	2122240165	Lê Diễm Kiều	04/10/2004	CCQ2224E			7,9	6.5	7.1	
16	2123240104	Nguyễn Thị Kim Liễu	08/05/2005	CCQ2324D			8,0	6.0	6.8	
17	2122240021	Đường Thúc Ly	11/12/2004	CCQ2224A			6,0	3.8	4.7	HL
18	2123240097	Trần Tuyết Ngân	10/01/2003	CCQ2324D			6,0	3.1	4.3	HL
19	2123240099	Trương Thu Ngân	24/06/2005	CCQ2324D			5,8	1.7	3.3	HL
20	2123240082	Tôn Nữ Gia Nguyễn	01/04/2005	CCQ2324C			7,0	4.0	5.2	
21	2123240031	Lý Thị Bích Nhi	27/07/2005	CCQ2324B			7,8	3.7	5.3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Đ: 18
H: 4

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Phiên dịch thương mại (22431501)

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B102

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123240004	Nguyễn Thị Yến	Nhi	24/11/2003	CCQ2324A		6,7	4.5	5.4	
2	2122240062	Ông Thị Thiên	Nhi	04/10/2004	CCQ2224B	Nhi	8,3	4.8	6.2	
3	2123240141	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	27/05/2004	CCQ2324E	Như	7,0	5.2	5.9	
4	2122240024	Nguyễn Tú	Như	20/01/2004	CCQ2224A	Tú	7,3	3.6	5.1	
5	2123240095	Huỳnh Thanh	Quang	01/11/2004	CCQ2324D	Quang	5,5	4.6	5.0	
6	2123240037	Hà Thị Thuý	Tân	25/07/2005	CCQ2324B	Thuý	6,3	5.2	5.6	
7	2123240046	Nguyễn Hữu	Thành	25/01/2005	CCQ2324B	Thành	5,6	5.7	5.7	
8	2123240050	Võ Ngọc Anh	Thi	13/11/2005	CCQ2324B	Thi	5,7	2.6	3.8	HL
9	2123240018	Huỳnh Thị Anh	Thư	29/10/2005	CCQ2324A	Thư	6,5	4.3	5.2	
10	2123240047	Lê Thị Hoài	Thương	28/07/2005	CCQ2324B	Thương	6,9	5.6	6.1	
11	2123240019	Vũ Thị	Thương	01/12/2005	CCQ2324A	Thư	8,5	3.8	5.7	
12	2123240102	Đặng Huỳnh Bảo	Trân	29/04/2005	CCQ2324D	Trân	6,7	4.1	5.1	
13	2122240012	Hồ Thị Quế	Trân	25/07/2002	CCQ2224A	Trân	8,3	2.5	4.8	HL
14	2122240132	Trần Thị Huyền	Trang	15/04/2004	CCQ2224E	Trang	5,0	6.1	5.7	
15	2123240126	Nguyễn Lê Tuyết	Trình	23/09/2003	CCQ2324E	Trình	5,2	4.9	5.0	
16	2122240073	Lê Thị Ngọc	Tuyền	11/05/2003	CCQ2224C	Tuyền	7,4	5.1	6.0	
17	2123240036	Hồ Lê Mỹ	Uyên	09/05/2005	CCQ2324B	Uyên	8,1	4.0	5.6	
18	2123240049	Đoàn Thị Bích	Vân	19/03/2005	CCQ2324B	Vân	6,6	3.3	4.6	HL
19	2123240103	Nguyễn Phong	Vinh	23/03/2004	CCQ2324D	Vinh	6,3	2.2	3.8	HL
20	2123240028	Trương Thị Hà	Vy	14/10/2005	CCQ2324A	Vy	7,1	4.3	5.4	
21	2122240037	Võ Tường	Vy	31/01/2004	CCQ2224B		2,0			
22	2123240116	Dương Thị Như	Ý	04/10/2005	CCQ2324C	Ý	7,0	3.6	5.0	